

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 9 năm 2020

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Hữu Soái**

Các Hội thẩm nhân dân:

**1. Ông Phạm Thế Chiến;**

**2. Bà Bùi Thị Thiềm.**

Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Nhất** – Kiểm sát viên.

Ngày 10/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST- HNGĐ ngày 22/7/2020 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị H’R**, sinh năm 1991, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- Bị đơn: **Anh Y N**, sinh năm 1988, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị H’R trình bày:** Tôi với anh Y N chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2018 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Y N thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Y N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có hai con chung là:

- H – O, sinh ngày 30/11/2008;

- H – U, sinh ngày 05/10/2018.

Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh Y N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bản thân tôi là người đồng bào dân tộc Ê Đê, gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án xem xét miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho tôi. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

**Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Y N trình bày:** Tôi với chị H'R chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2018 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có xảy ra mâu thuẫn, có cãi nhau. Nguyên nhân là do tôi uống rượu, thỉnh thoảng tôi có ghen vợ nên vợ chồng cũng cãi nhau. Nay chị H'R làm đơn xin ly hôn thì tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với vợ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có hai con chung là:

- H – O, sinh ngày 30/11/2008;

- H – U, sinh ngày 05/10/2018.

Trường hợp phải ly hôn, tôi đồng ý để chị H'R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H- O và cháu H-U cho đến tuổi trưởng thành.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bản thân tôi là người đồng bào dân tộc Ê Đê, gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án xem xét miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho tôi. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

**Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến:** Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Toà án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị H'R, bị đơn anh Y N là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 BLTTDS, cho chị H'R ly hôn anh Y N.

Về con chung: Chị H'R và anh Y N có hai con chung. Chị H'R có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu H – O, sinh ngày 30/11/2008 và H – U, sinh ngày 05/10/2018 cho đến tuổi trưởng thành. Cháu H- U hiện nay đang còn quá nhỏ, cháu H'O có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh Y N cũng đồng ý để chị H'R nuôi dưỡng cả hai cháu nên giao cả hai cháu cho chị H'R nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H'R không yêu cầu anh Y N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: **Bị đơn anh Y N có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H'R và anh Y N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký vào ngày 21/11/2018 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Y N thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị H'R và anh Y N tại địa phương cho biết vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, anh Y N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H'R và anh Y N đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H'R là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H'R và anh Y N có hai con chung là:

- H – O, sinh ngày 30/11/2008;

- H – U, sinh ngày 05/10/2018.

Khi ly hôn, chị H'R có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu H – O, H – U cho đến tuổi trưởng thành. Cháu H- U hiện nay đang còn quá nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cháu H'O có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh Y N cũng đồng ý để chị H'R nuôi dưỡng cả hai cháu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị H'R, giao cháu H – O và cháu H – U cho chị H'R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H'R không yêu cầu anh Y N cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H'R và anh Y N đều là người đồng bào dân tộc Ê Đê, gia đình thuộc hộ nghèo tại địa phương, có đơn xin miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm nên chị H'R và anh Y N được miễn tiền toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H'R, chị H'R được ly hôn anh Y N.

[2] **Về con chung:** Giao cho chị H'R được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H – O, sinh ngày 30/11/2008 và cháu H – U, sinh ngày 05/10/2018 cho đến tuổi trưởng thành. Chị H'R không yêu cầu anh Y N cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] **Về án phí:** Chị H'R và anh Y N được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lê Hữu Soái**